

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM KHÊ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc L- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29-4-2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thanh Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hà Thị Hải

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Hải Phú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu C, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu C, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 11/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ, ngày 13/9/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại khu C, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ và làm ruộng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, anh N không chung thủy với chị, chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi kể từ ngày 20/4/2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm với anh N không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/02/2021, anh Nguyễn Văn N trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị L trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn do chị L tính tình trẻ con, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thi thoảng có cãi nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chị L đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và dọa ly hôn với anh. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị L xin ly hôn, anh không nhất trí vì vẫn còn yêu thương chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 17/3/2011 (hiện nay đang ở với anh N) và Nguyễn Hoàng Y- sinh ngày 17/8/2020 (hiện nay đang ở với chị L).

Ly hôn hai bên đều trình bày: Chị L xin trực tiếp nuôi cháu Y, anh N trực tiếp nuôi cháu V, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; Về nghĩa vụ chung về tài sản; Về công sức: Chị L, anh N đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Quá trình làm việc tại Tòa án anh N xin đoàn tụ nhưng khi báo anh N đến để Tòa án tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì anh N vắng mặt nhiều lần không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Việc cố tình vắng mặt của anh N tại Tòa án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh N được triệu tập họp lệ lần thứ

nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đối với anh Nguyễn Văn N, nhưng anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn N là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 17/8/2020; Anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 17/3/2011, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn N được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; Về nghĩa vụ chung về tài sản; Về công sức: Các đương sự không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn N là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn là anh Nguyễn Văn N, có nơi cư trú cụ thể, ổn định tại xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Trong quá trình làm việc, Tòa án đã báo gọi anh Nguyễn Văn N và chị Hoàng L, để mở phiên họp tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa chị L và anh N, nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do mặc dù anh N có mặt tại nơi cư trú, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã giao trực tiếp cho anh N và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án

tại khu hành chính, UBND xã, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê theo quy định của pháp luật nhưng anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đối với anh Nguyễn Văn N, nhưng anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn N đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác minh tại địa phương, khu dân cư, đại diện Hội phụ nữ nơi vợ chồng chị L, anh N sinh sống cho biết: “ giữa chị L, anh N có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N chơi bời không chịu làm ăn nên dẫn đến vợ chồng tranh cãi, bất hòa, hiện tại chị L và anh N đang sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị L xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hoàng Thị L giữ quan điểm đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn N. Việc xin ly hôn của chị Hoàng Thị L phù hợp với hiện trạng chung sống của vợ chồng nên cần chấp nhận. Anh Nguyễn Văn N không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc anh N xin đoàn tụ là không thật tâm nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh N.

[2.2]. Về con chung: Quá trình thu thập chứng cứ thấy rằng, kể từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu V do anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Y do chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị Hoàng Thị L vẫn giữ quan điểm như đã trình bày, anh Nguyễn Văn N mặc dù không có mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án nên cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung; Về nghĩa vụ chung về tài sản; Về công sức: Do chị Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3

Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

[2]. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 17/8/2020 cho chị Hoàng Thị L Trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 17/3/2011 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 4/2021 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn N được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003844 ngày 11/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Hoàng Thị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4]. Chị Hoàng Thị L có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho anh N hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh, huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã S;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Thảo**